

CỔ VĂN

1. HẠ DIỆU GIÁC HÒA THƯỢNG BÁT THẬP THỌ TRƯỞNG VĂN

(Bài văn mừng mừng hòa thượng Diệu Giác⁽¹⁾ thọ tám mươi)

Gốc sâu thì ngọn tốt, có đức thì tất nhiên được thọ.

Kính nghĩ:

Vương phụ sửa đức làm lành, người ta khen là thật thà trung hậu; sinh xuống tám con trai, đều đến tuổi trưởng thành, Thúc phụ là thứ năm, sinh ra minh mẫn, tính chuộng từ bi. Vừa tuổi học trò, đến chùa Phật thân gần tăng, nuôi tình trong kinh lá bối, vui mắt trước đài hoa sen. Đến tuổi thành nhân, vào kinh đô làm giúp quốc tữ, ăn thì những hương tích, mặc thì những cà sa. Từ đạo sĩ mà lên trú trì, rồi lên tăng cang, được hưởng ơn vua to lớn. Từ hạ thọ mà lên trung thọ, rồi lên thượng thọ, càng thêm tuổi hạc lâu dài. Năm nay Ất Dậu [1885], là ngày thọ bát tuần của Thúc phụ, bọn cháu dám không vui mừng kêu lên: Tốt đẹp thay! Thọ biết bao! Trời sở dĩ dày là vì có đức. Ai chẳng bảo Vương phụ dồn chứa nhiều điều lành mà Thúc phụ sửa đức rất mực. *Kinh Dịch* rằng: “Chứa thiện thì nhiều phúc”. *Kinh Thư* rằng: “Trời cho tuổi thọ”. Những lời ấy chẳng đáng tin sao? Điều mong ước [của chúng cháu] là: châu lửa làm mây, sen xanh làm mắt, trăng đầy thành hình, hoa vàng rạng mặt, mà đời đời đạo Phật Tây phương, mưa pháp gội nhuần; ngày thêm đất trời Chấn Đán,⁽²⁾ mây lành che phủ. Hồ vẽ để rằng, cùng với cảnh xinh rừng trúc; ngựa nhà để tiếng, đều khen cây ngọc tốt lành. Thật lớn lao thay!

Năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi [1885].

2. HẠ YẾT MA HÒA THƯỢNG BÁT THẬP THỌ TRƯỞNG VĂN

(Bài mừng mừng Yết Ma hòa thượng⁽³⁾ tám mươi tuổi)

Thọ của người đời, lấy số năm mà kể; thọ của nhà sư, lấy sự giác ngộ mà đo. Đại lão hòa thượng chùa Từ Hiếu là ông họ Lê xuất gia khi còn nhỏ, chuyên giữ

⁽¹⁾ Diệu Giác hòa thượng: người họ Đỗ, không rõ thế danh, nguyên quán làng Bích Khê, tổng Bích La, huyện Đăng Xương (thời Kiến Phúc đổi Thuận Xương vì húy), tỉnh Quảng Trị, sinh năm Bính Dần (1806), 13 tuổi xuất gia, vào chùa Báo Quốc, đánh lễ Nhất Định hòa thượng làm bốn sư, năm 1830 thụ giới Cụ Túc tại giới đàn Báo Quốc do hòa thượng Tế Chánh Bồn Giác làm Đường đầu, pháp danh Hải Thuận, pháp tự Lương Duyên, pháp hiệu Diệu Giác. Năm 1849, sư được cử trú trì chùa Diệu Đế, rồi làm tăng cang; năm 1859, sơn môn cử về trú trì chùa Báo Quốc cho đến khi tịch ngày 13 tháng Giêng năm Ất Mùi (7/2/1895).

⁽²⁾ Chấn Đán: Chỉ Trung Quốc (cũng như Chấn Đan, Thần Đan). Trong bát quái, Chấn là phương Đông, đạo Thiên từ Ấn Độ truyền vào phương Đông, tức là vào đất Trung Quốc, gọi là Thiên Đông độ. Có người giải thích Chấn tức là chuyển âm của Tần, một triều đại cổ thống nhất Trung Quốc từ hàng trăm nước chư hầu, còn Đán là đất; Chấn Đán là đất Tần (?). Đây chỉ đạo Phật lưu truyền rộng rãi.

⁽³⁾ Tức hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỳ (1810-1898), chùa Từ Hiếu.

giới luật, đức hạnh tăng dần theo tuổi tác, là một lá cờ đầu của các chùa trong từng lâm hiện nay. Không chỉ học trò trao truyền bình bát mà đến cả Cung Giám Viện và đàn việt⁽¹⁾ nghe pháp theo về, thấy đức mà cúng dường, bất cứ ai cũng đều tai nghe mắt thấy hết. Nay, Thọ Vực ngưng tường, Lão Tinh⁽²⁾ dâng thụ, không gì đáng biểu dương hơn, xin hiến một hai câu để làm giày gậy nâng đỡ hai bên bước đi, cũng là để bày tỏ một việc hay đương thời vậy. Bèn dâng kệ rằng:

<i>Thiền lâm nhất giác thắng duyên trần,</i>	Rừng thiền giác ngộ vượt duyên trần,
<i>Na kế hình khu bát thập xuân.</i>	Chẳng kể hình hài tám chục xuân.
<i>Cực kiện phi đơn, phi thị được,</i>	Không thuốc không đan mà vẫn mạnh,
<i>Duy tâm tức Phật, tức vi thân.</i>	Có tâm có Phật ấy là thân.
<i>Thiên ban thể được, thiên ban giả,</i>	Nghìn vui cuộc thế, nghìn vui giả,
<i>Nhất vị thiên tru, nhất vị chân.</i>	Một vị cửa thiền, một vị chân.
<i>Ký đắc tha thời sinh bổ xứ,</i>	Nhớ được nơi nào sinh gởi đó,
<i>Tằng tương cung dưỡng phục tương thân.</i>	Đã từng cung dưỡng lại cùng thân.

Ngày tốt tháng cuối xuân năm Kỷ Sửu thời Thành Thái [1889].

Đệ tử Nguyễn Tuệ Đăng và các môn đồ kính lạy.

3. HẠ GIỚI ĐÀN TRƯỞNG VĂN (Văn trưởng mừng giới đàn)

Mùa hè năm Giáp Ngọ, Thành Thái thứ sáu [1894], lập hội Vô Già⁽³⁾ ở chùa Báo Quốc phía nam Đô thành, để chứng nhân quả vậy. Các chùa ở khắp các núi đều đến dự. Hội chủ là Thượng nhân họ Đỗ, tức Diệu Giác hòa thượng, tăng cang chùa Diệu Đế, thọ giới quán đảnh ở đây. Đây là một hội lớn trong rừng thiền vậy. Thượng nhân thuộc một họ lớn trong làng ta, thừa nhỏ thông minh nhanh nhẹn, hết lòng tin vào đạo Phật, bền xuống tóc đi tu, giữ giới luật rất chặt chẽ khắc khổ, trái

⁽¹⁾ Đàn việt: hay đàn na, cũng như thí chủ, người tín đồ, quy y và chu cấp, giúp đỡ cho nhà chùa. *Ký quy truyện* giảng: “Tiếng Phạn đà-na-bát-đế (danapati), dịch là thí chủ. Đàn-na là *thí*, bát-đế là *chủ*, gọi là *đàn việt* vốn không phải là cách dịch đúng. Bỏ chữ *na*, giữ lại âm *đà* ở trên, chuyển gọi là *đàn*, lại thêm chữ *việt*, ý nói do thực hành bố thí, nên có thể vượt qua nghèo khổ. Tuy giải thích khéo léo, nhưng rất cục vắn trái chính bản” (TĐPHHV, tr. 377). Như vậy, đàn việt là loại từ kết hợp một từ phiên âm có sửa đổi tiếng Phạn với một từ thuần Hán có nghĩa riêng. Từ “đàn việt” được dùng rộng rãi hơn, trong lúc các thầy chùa thường dùng từ “thí chủ”.

⁽²⁾ Lão Tinh: theo thiên văn cổ, là ngôi sao chủ về tuổi thọ của con người, nằm về phía nam trên bầu trời, gọi là Nam Cực Lão Nhân.

⁽³⁾ Hội Vô Già: vô già là bao dung tất cả, không ngăn trở một ai; hiền thánh, đạo tục, sang hèn, trên dưới đều được bình đẳng thực hành pháp hội, gọi là Vô Già hội (Pāncaparisad, Pāncavarsika) Tục ở Ấn Độ luôn luôn thực hành hội đó; ở Trung Quốc thì thời Lương Vũ Đế, niên hiệu Đại Thông năm thứ nhất (527) bắt đầu; vua đi thăm chùa Đồng Thái, đặt ra bốn bộ Vô Già đại hội.

sáu bảy mươi năm [nóng rét] vẫn như một ngày, nay tuổi đã tám mươi chín, công thành hạnh đủ, nghiêm nhiên thấy là chân thân của một vị hoạt Phật, nhiều lần được các triều nêu khen. Thời Đồng Khánh, đặc ân ban cho một bộ cà sa lụa vàng. Xưa, Nguyên Tôn (?) yêu mến sư, mĩm cười ban cho cái áo vàng, lúc ấy tặng thơ, có câu: “Bật sô nguyên thị hắc y lang / Đương đại thâm nhân thủy tứ hoàng” (Nhà sư vốn gọi Hắc y lang / Thừa ấy nhân sâu mới tặng vàng). Gần đây, Thượng nhân đã được Bộ Lễ tâu vua chuẩn cho lập hội ấy, bắt chước vua Hồng Vũ nhà Minh⁽¹⁾ cho làm việc thiện vậy. Kính vâng Hoàng thượng ta và Ba cung⁽²⁾ gia ơn rất hậu cho mở rộng đạo từ bi lớn lao của Phật tổ. Nay thì đại hội các tăng, đàn trường đủ lễ, khắp nơi dốc lòng cúi đầu quy y, thành ra một thế giới Cực Lạc.⁽³⁾ Điều đó chẳng đáng lưu truyền sao? Làng ta là vùng đất rất xưa, quan văn, quan võ, khoa bảng, thư lại, hào kiệt sinh ra từ đó, cho nên không hiếm người giỏi. Người hiện giữ chức thư Công Bộ Thượng thư Hoàng đại nhân,⁽⁴⁾ Nhị giáp Tiến sĩ Hoàng quý đài,⁽⁵⁾ đứng đầu khoa hoạn làng ta, mà Thượng nhân xuất gia, [được ban] độ điệp cũng đương nhiên là lãnh tụ của tăng già. Mạch đất thiêng liêng hẳn không phải là nói vu vơ vậy. Từ nay về sau, là Đại thừa Pháp sư, là Vô Lượng Thọ Phật, là Di Đà⁽⁶⁾ giảng thế, là Bồ Tát hóa thân, khiến cho sách Phật hàng Tiên đều sáng danh

(1) Minh Hồng Vũ: Hồng Vũ là niên hiệu đầu tiên của nhà Minh, trong khoảng 1368-1398, chỉ vua đầu tiên của nhà Minh, họ Chu, tên Nguyên Chương.

(2) Ba cung: Tam cung, ba bà Từ Dũ Thái hậu (Phạm Thị Hằng, vợ vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự Đức), Lệ Thiên Anh Hoàng hậu (Vũ Thị Duyên, vợ vua Tự Đức) và Từ Minh Hoàng hậu (Phan Thị Điều, vợ vua Dục Đức, mẹ vua Thành Thái).

(3) Cực Lạc: Tức Cực Lạc quốc hay Cực Lạc bang, thế giới ở phương Tây của Phật A Di Đà; nơi đó ai cũng được sống yên vui tốt cùng.

(4) Túc Hoàng Hữu Xứng (1831-1906), người làng Bích La, tổng Bích La, huyện Thuận Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đỗ cử nhân khoa Nhâm Tý, Tự Đức 5 (1852), làm quan đến chức Công Bộ Thượng thư, Quốc Sử Quán Phó tổng tài, thăng Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn sung Phó tổng tài Quốc Sử Quán, Kinh Diên giảng quan. Ông tổ chức biên soạn cuốn *Đại Nam cương giới vịnh biên*, qua năm 1887 thì xong (gồm 7 quyển và 1 bức địa đồ, sau gọi là *Đồng Khánh địa dư chí*).

(5) Túc Hoàng Bính (1857- ?), trước tên Hữu Tiếp, con của Hoàng Hữu Xứng, đỗ cử nhân khoa Kỷ Dậu, Tự Đức 32 (1879), đã làm Huấn đạo lãnh Giáo thụ tại phủ Triệu Phong; đỗ Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu, Thành Thái 1 (1889); sau đó, làm đến Tri phủ, rồi sung vào sở Tu Thư. Ông khá nổi tiếng về thuật phong thủy, từng hoạt động ở Huế, rất được nhân dân tin cậy, nhưng không thấy để lại sự tích gì.

(6) Phật A Di Đà, tiếng Phạn Amitàbha, dịch nghĩa là Vô Lượng Thọ Phật hay Vô Lượng Quang Phật, gọi tắt A Di hay Di Đà: “Theo lời đức Phật Thích Ca giảng trong kinh A-di-đà thì cốt của đức Phật A-di-đà ở về phía tây cách cõi ta bà chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Cõi ấy gọi là Cực Lạc quốc (Soukhavati). Đức A-di-đà hào quang sáng suốt vô lượng, chiếu tới các cõi ở thập phương mà không bị gì ngăn che. Đời sống của ngài và của chư Phật chư Thánh trong nước của ngài dài vô lượng vô biên, dài đến triệu ức kiếp. Ai muốn vãng sinh đến nước Cực Lạc của đức Phật A-di-đà thì nên phát tâm mà trì niệm hồng danh ngài không sao nhầm. Vì vậy, về sau này mới thịnh hành tông phái Tịnh Độ của những nhà tu trì tín đức Phật A-di-đà thường hiện thân đi tiếp dẫn chúng sinh. Đi theo ngài thường có hai vị bồ tát dẫn hai bên, bên phải là bồ tát Đại Thế Chí, bên trái là bồ tát Quan

rạng hiệu. Người ta sẽ gọi làng ta là Ô Y hạng,⁽¹⁾ là Bạch Liên xã,⁽²⁾ cũng không phải là không có cơ hội. Lại nay đang được như thế thì đáng mừng vậy. Bèn đem ý ấy trao đổi với tú tài Lê Cảnh Hoán viết thành văn để nói rõ với thân hào, biên binh, kỳ lão, chức dịch, lính tráng và nhân dân làng Bích Khê trang trọng lễ mừng chúc thọ. Khắp thiên hạ, ngoài tuổi tác ra, chuyện nhà thiền có vị sư thọ ngộ đạo dọi sáng ra khắp nước, được vua sắc cho làm tăng cang chùa Diệu Đế, trú trì chùa Báo Quốc, Đỗ hòa thượng là thầy ta, thượng tọa đệ tử trưởng của Nhất Định hòa thượng, là anh ta từ khi ta bốn tuổi. Đạo làm giềng mối, tuổi cao hạnh lớn. Thầy ta có am An Dưỡng, anh ta ở đấy. Đá cao chót vót không lay chuyển. Năm nay, đức cao sức bền, đã tự giác lại giác tha, lợi ích lớn lao thay! Đây là một đại giới đàn, vua ta ban sắc chỉ bổ sư vào; Ba cung gởi ý chỉ chúc mừng, người trong thiên hạ ắt đổ dồn về, thiện nam tín nữ thập phương họp lại mà thành. Từ có thể cùng với lạc, bi có thể dẹp hết khổ, nguyện cũng với chúng sinh đều thành Phật đạo.

Kính chúc mừng.

Hải Thiệu, Yết ma A xà lê chùa Từ Hiếu.

Hải Toàn, Giáo thụ A xà lê chùa Tường Vân.

Và các môn đồ.

Kính lay.

4. NGŨ CÔNG ĐỨC ĐƯỜNG THÀNH, CHƯ QUAN SƠN TỰ HẠ TRƯỞNG VĂN

(Văn trưởng của các chùa công,
chùa sơn môn mừng lạc thành Ngũ Công Đức đường)

Chùa Báo Quốc xây dựng đã lâu rồi. Cột rường nhà Tổ nguy nga, trải qua mở mang và sửa chữa trang nghiêm mà đẹp đẽ, thầy trao trò nối, đạo sáng đức cao, người

Thế Âm. Bộ ba này được gọi là Di-đà tam tôn (TĐPHHV, tr. 20). Các tín đồ Phật giáo khi gặp gỡ thường chào nhau bằng cách chắp tay niệm: “Nam mô A Di Đà Phật”, có khi vắn tắt: “Mô Phật!”. Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu): *Thỉnh ông Phật tổ A Di / Thập phương chư Phật phù trì giúp công*.

⁽¹⁾ Ô Y hạng (Ngõ Áo Đen): tên một đường cổ ở phía đông nam trong thành Kim Lăng (Nam Kinh), nay vẫn còn tên. Thời Tấn, hai họ Vương (Vương Đạo và các con Vương Hy Chi, Vương Hiến Chi), Tạ (anh em Tạ Dịch, Tạ An, con Tạ Dịch là Tạ Huyền) rất oai quyền, giàu sang tột đỉnh, có dinh thự ở nơi này, người nhà đều mặc áo đen, nên mới có tên như thế.

⁽²⁾ Bạch Liên xã: Tuệ Viễn (Huệ Viễn), người thời Tấn, họ Giả, quê ở Nhạn Môn, xuất gia lúc 21 tuổi, bổn sư là Đạo An, tu theo Đại thừa. Gặp lúc Tương Dương loạn lạc, thầy trò phải phân tán. Sư đi qua Kinh Châu, La Phù, Tầm Dương, đến Lư Sơn, thấy phong cảnh đẹp để thanh tịnh, bèn dừng chân, lập chùa Đông Lâm an trú ở dưới sườn phía bắc, trong vườn hồ trồng toàn sen hoa trắng. Sư chiêu tập được 123 tăng hữu và ẩn sĩ, lập Bạch Liên xã, thường tụ họp nói chuyện về Phật điển và thơ ca. Sư ở Lư Sơn suốt 30 năm, không bao giờ ra khỏi núi, chỉ tiễn khách đến bờ suối ngoài chùa thì lui. Sư tịch vào tháng Tám năm Nghĩa Hy thứ 12 (416) đời Tấn An Đế.

đời tôn kính ngợi khen không dứt. Nhớ tưởng trong khoảng năm Giáp Ngọ [1894], hòa thượng [tăng cang Hải Thuận Lương Duyên] mở đại giới đàn, cùng thọ giới Cụ Túc, nhưng chỉ phó (pháp) đại sư cho 9 người mang chữ Tâm mà thôi⁽¹⁾. Từ đó, mỗi người riêng thường tu hành theo hạnh của đức Phật. Vào mùa xuân năm Ất Mùi [1895], hòa thượng về cõi Tây, đại sư [Tâm Quảng] noi theo tổ đức, tăng chúng suy tôn, vâng sắc sung chức trú trì chùa Diệu Đế, đến năm Bính Thân [1896], các chùa công, chùa sơn môn bảo cử làm chánh tự tổ đường chùa Báo Quốc. Giới hạnh giữ bền, thiền cơ thông suốt, thanh quy ngày càng tăng tiến, công đức ngày một dồi dào; mùa đông năm Mậu Tuất [1898], sư phát đại nguyện tu bồ. Phật pháp, dầu Tổ lại sáng, dựng thêm nhà làm nơi cúng dường bốn việc (?), để giữ người trong tứ chúng được lục hòa.⁽²⁾ Sư lui tới giúp vào công đức để dạy bảo đời sau, trên thì báo đức tam tôn, sau nữa thì đền ơn tứ trọng, không bao giờ thôi vậy. Các chùa công, chùa sơn môn chúng tôi nông cạn quê mùa, xưng tán vài lời thô vụng, viết vào vài tắc lụa Thục⁽³⁾ dâng mừng.

Phật ra đời năm thứ 2925.

Tuế tại Trứ Ung Am Mậu [tức năm Mậu Tuất 1898] .

Thanh Thái đại sư, nối pháp đời thứ 78, trú trì chùa Tường Vân.

5. HẠ CÔNG ĐỨC ĐƯỜNG THÀNH (Mừng nhà Ngũ Công Đức đã làm xong)

Từ khi có trời đất thì đã có núi này. Núi có chùa Báo Quốc trải đã ba đời rồi. Mùa đông năm nay, có ngôi nhà này. Không ai biết được mấy trăm năm trước đã có ngôi nhà này; nhà có đó mà người thì không còn. Mệnh mang trời đất, lúc phé lúc hưng, chỉ biết đời này hôm nay chẳng còn gì trước tai mắt thế gian chúng ta. Bỗng nghe trú trì chùa Diệu Đế là đại sư Thanh Minh, nhân ngôi nhà này đã xây dựng xong, làm lễ chay khánh thành cúng Phật, mời các tăng ni trong Liên Trì tân phả và thiện nam tín nữ cùng đến dự hội. Chúng tôi vui sướng mà xem bảng đề “Ngũ Công Đức đường”, gian giữa thiết một bức trướng sư tử,⁽⁴⁾ bên tả là văn trướng của

⁽¹⁾ Sư Lương Duyên đã phó pháp cho 9 đệ tử, pháp hủi hàng chữ “Thanh”, pháp tự đều đặt chữ “Tâm”, sơn môn Huế thường gọi là “Cửu Tâm”, gồm: Tâm Quảng, Tâm Truyền, Tâm Thể, Tâm An, Tâm Tĩnh, Tâm Thành, Tâm Thiền, Tâm Minh, Tâm Khoan. *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, sđd, tr 317-318.

⁽²⁾ Lục hòa: tức lục hòa hợp, chỉ sự hòa hợp giữa sáu căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) và sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Sáu hòa hợp ấy làm một tinh minh; tinh minh ấy tức là tâm vậy (*TĐPHHV*, tr. 684). Ở đây là lục hòa trong tứ chúng, tức cư xử hòa đồng trong môn đồ: thân hòa đồng trú; ý hòa đồng duyệt; kiến hòa đồng giải; giới hòa đồng tu; lợi hòa đồng quân; khẩu hòa vô tranh.

⁽³⁾ Lụa Thục: vùng Ba Thục (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) xưa sản xuất lụa đẹp nổi tiếng, cả gấm nữa. Chỉ thứ vải, lụa sang quý.

⁽⁴⁾ Sư tử trướng: bức vải vẽ hình con sư tử. Sư tử tiếng Phạn là simha, dịch âm ti-già, tăng-già-bi, được coi là vua của các loài thú. Trong kinh Phật, sư tử tượng trưng cho sức mạnh của chư Phật. *Luận Trí độ*, Quyển 4: “Nhuư loài sư tử trong loài thú bốn chân, nó không hề sợ loài nào, hàng phục được tất cả. Phật cũng như thế. Đối với 96 thứ ngoại đạo đều đã hàng phục được tất cả, nên gọi là

Liên Trì tân phá,⁽¹⁾ bên hữu là văn trưởng của các chùa công, chùa sơn môn. Hớn hờ tươi cười, nghiêm trang kính cẩn. Nào ai xướng lên, nào ai họa lại, đều nói đó là công đức của đại sư trú trì. Nhưng đại sư trú trì ta, công rất lớn lao, làm ra thuần thực; quên cả vật và ta, không lấy thành công làm vui, không lấy thất bại làm buồn, chỉ nói rằng: “Có nhà để có thể dung nạp tăng chúng của ta, có thể trọn duyên lành của ta, đó là ý nguyện bậc nhất của ta, còn có trông mong gì khác nữa đâu”. Bèn lui về phòng trai ngồi yên trong nhà thích thú như ông Chi Di,⁽²⁾ ngẩng mặt nhìn trời vui vẻ mà ngâm rằng:

*“Ngô đường phi ngỗ hê, ngô thất phi khung
Ngô tích phi hữu hê, ngô kim phi không
Ngô trú vô trú hê, tọa vô tây đông
Vong thiền vong niệm hê, thái hư hồng mộng
Thuyết thậm đạo giải thậm lý hê, lạc thú vô cùng
Tạc ngô vô đắc kim ngô vô chứng hê, tiêu diêu đại tạo
Giải thoát câu khư, thùy tri ngô chi thủy chung”.*

Tạm dịch thơ:

Nhà ta chẳng ngôi chừ, phòng ta chẳng đôn đông
Ta xưa chẳng có chừ, ta nay chẳng không
Ta ở không ở chừ, ngồi chẳng tây đông
Quên thiền quên niệm chừ, thái hư mênh mông
Nói chuyện đạo thông lẽ mầu chừ, vui vẻ vô cùng
Trước ta không được, nay ta không chứng chừ, trời đất chơi dong
Thoát khỏi buộc ràng chừ, ai biết ta thủy chung.

Ngâm xong duỗi chân mà nằm, ngủ ư? Thức ư? Sư ư? Phật ư? Đều không thể biết được. Bọn chúng tôi nghe ngâm, chỉ biết ý đại lược, lui về mà ghi lại, tin tưởng chọn lấy mà treo lên vách.

Viên chức lý dịch làng Phú Xuân cùng kính lạy.

sư tử người. Còn chỉ đức Mã Đầu Quan Âm tên là Sư Tử Vô úy Quan Âm. Sư tử còn là tên nước Srilanka và là tên vị tổ sư đời thứ 24 trong 28 vị tổ sư ở Tây Thiên” (TĐPHHV, tr. 1080). “Sư tử hống”, tiếng gầm của sư tử, có bốn tác dụng là làm cho cân não các giống thú khác bị tê liệt, voi nghe thì hàng phục, chim nghe thì sa, các thủy tộc thì chìm sâu xuống đáy nước, vì thế chỉ tiếng thuyết pháp của Phật vang lớn và xa, phá tan muôn nghìn pháp khác, các thiên ma phải hàng phục, các tà kiến bị bẻ gãy, các phiền não bị xua tan. Do đó, chỗ ngồi của Phật gọi là “sư tử tòa”, ghế ngồi của Phật gọi là “sư tử bồ đoàn”.

⁽¹⁾ Liên Trì tân phá: hội thơ do Như Như đạo nhân lập (Xem *Hàm Long sơn chí*, tập Phụ lục).

⁽²⁾ Chi Di: tức Phạm Lãi, đại thần nước Việt thời Xuân Thu, người góp công lớn giúp Việt vương Câu Tiễn đánh bại Ngô vương Phù Sai. Đại công cáo thành, ông sống ẩn dật, lấy hiệu Chi Di Tử, dong chơi sông nước.

**6. HẠ TÂM TRUYỀN ĐẠI SƯ THĂNG TĂNG CANG,
TÂM THÀNH ĐẠI SƯ SUNG TRÚ TRÌ TRƯỞNG VĂN**
(Bài văn trưởng mừng Tâm Truyền đại sư thăng tăng Cang,
Tâm Thành đại sư sung trú trì)

Kính nghĩ:

Thượng nhân hai chùa Diệu Đế và Từ Quang, từ bé đã xuất gia, ngâm theo đạo Phật, dứt bỏ cõi trần. Hòa thượng dạy dỗ, căn dặn kỹ càng. Kịp đến khi lớn lên, vào chùa công, đốt hương đánh lễ, noi theo pháp mà tu trì, hễ sách non Thúu, văn sân rồng, không gì là không nghiên cứu sâu xa mà tam muội tinh tường vậy, ngũ thừa thấu triệt vậy. Hòa thượng bèn đem y bát trao cho. Mùa hè năm nay, Bộ Lễ ghi tên đề đạt, một thăng tăng Cang chùa này, một sung trú trì chùa này.⁽¹⁾ Ngày nhận điệp văn, các tăng đều làm lễ chúc mừng. Đó là cái gọi là “đạo của bậc quân tử, không làm gì mà càng ngày càng sáng” chẳng phải như thế ư? Nghe nói đức Phật tổ ngộ đạo, có quả mai chín như, hoa sen thơm ngát. Hai đại sư quả thật có thể diu dắt những kẻ đi sau, thì cửa thiền vắng vẻ mà lời điệp rõ ràng, không phụ ý Hoàng triều ta tôn sùng Phật giáo vậy. Bèn viết vào lụa để mừng.

Hòa thượng Quang Tự, Tổng Quy, Như Lâm, Diệu Ứng kính lạy.

7. BÁO AN VĂN
(Bài văn báo ơn)

Trộm nghĩ: Cây do gốc mà lớn lên, nước từ nguồn mà chảy ra. Tường đức của Tổ là sinh thành, cho nên cẩn thận việc chôn cất mà thờ cúng các đời xa. Có cha mẹ ắt có thân ta, lẽ nào cứ diễm nhiên không có được một mảy may báo đáp. Do đời xưa vun trồng phúc quả, nên đời nay may dự cửa thiền. Ra khỏi bụi đời, thân không vướng bận. Bỗng gặp lúc tuổi quá bảy mươi, bày tiệc chay, một tấm lòng thành báo gốc. Không cùng bốn đạo nghe sông, tự sức mình tùy duyên nhiều ít. Một nén tâm hương, soạn bày vật cúng, ngửa xin bậc Đại Giác Chí Tôn rửa lòng soi xét, sau đến tổ tiên nội ngoại, các vị cha mẹ hai bên cùng mời hâm hưởng, cùng về dự hội Liên Trì. Từ ấy ta thường giữ một lòng, chỉ nguyện sớm bỏ cõi trần, gấp về chốn Tây phương. Ai biết lần nữa nay vẫn còn, chưa được giải thoát. Dần dà tháng lụn ngày qua, bỗng chốc xuân thu tám chục. Bốn đạo và các đệ tử cùng lấy lòng bày biện ít nhiều, chân thành mừng thọ, đem nói với ta, ta không thể nhận. Các người ân cần xin ta mấy lần, ta gắng gượng chiều theo ý muốn của họ. Ai nấy yên lòng toại chí, cùng đem tặng phẩm sản vật ít nhiều bày biện đầy đủ (Phản ghi các khoản lễ phẩm phiền phức không tiện chép ra đây).⁽²⁾

⁽¹⁾ Xem văn bản số 12 phần *Thánh chế*.

⁽²⁾ Bài văn không ghi lạc khoản, nên không rõ tác giả là ai, nhưng phỏng đoán là sư Hải Thiệu Cương Kỷ chùa Từ Hiếu.

8. TỪ HIẾU TỰ YẾT MA HÒA THƯỢNG PHÁT NGUYỆN VĂN (Bài văn phát nguyện của hòa thượng Yết ma chùa Từ Hiếu)

Trộm nghĩ: Cõi sống chết hiện tại chứa nhiều tội lỗi, chìm đắm nặng nề trong vòng luân hồi lục đạo, khổ không nói được. Nay được nghe danh hiệu Di Đà, nguyện làm công đức, một lòng tụng niệm cầu được vãng sinh. Xin đức Phật từ bi thương xót nhận cho. Đệ tử là Hải Thiệu có mười lăm lời nguyện như sau:⁽¹⁾

Một nguyện: Thân mình khác tục, không sánh bạch y.⁽²⁾

Hai nguyện: Miệng thường trong sạch, chẳng nói thị phi.

Ba nguyện: Nghĩ làm ngay thẳng, không biệt tôn ti.

Bốn nguyện: Lòng thường chịu đựng, rủi tham sân si.

Năm nguyện: Ăn vào đúng ngộ, chẳng trễ hạn kỳ.

Sáu nguyện: Giữ gìn đạo hạnh, chẳng mất uy nghi.

Bảy nguyện: Ngôi chùa bền vững, điện Phật quang huy.

Tám nguyện: Ở thường yên ổn, vật dụng thiếu gì.

Chín nguyện: Cùng hàng đệ tử, xa lánh tai nguy.

Mười nguyện: Đàn na thí chủ, phúc thọ khang hy.

Mười một nguyện: Oan thân⁽³⁾ bình đẳng, về hội Liên Trì.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Trên văn bia tháp mộ hòa thượng Hải Thiệu tại chùa Từ Hiếu khắc đoạn mở đầu khác hẳn, trong 15 điều nguyện cũng có vài chữ không giống. Đoạn mở đầu trên bia như sau (dịch): “Ta sinh năm Canh Ngọ. 24 tuổi xuất gia, 25 tuổi xuống tóc, 31 tuổi thụ Cụ Túc, 35 tuổi đắc pháp, trú trì chùa này suốt 43 năm, lần lửa tuổi hoa, dần dà năm tháng, chẳng dè non tây ác lặn, bóng xế cảnh dâu, nay đã 81 tuổi. Tự ta một lòng phát ra 15 lời nguyện, ngửa xin đáng Đại Giác chứng minh, thương xót nhận cho. Ấy là niềm trông mong của ta vậy”. Xem Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 8.2017, Chuyên đề “Tuyển dịch Văn bia chùa Huế”, Tập 1, tr. 128-130.

⁽²⁾ Bạch y: chỉ người thế tục để phân biệt với người xuất gia tu Phật. Ở Ấn Độ thời xưa, người thế tục và người Bà La Môn thường mặc áo màu trắng, còn người xuất gia tu Phật thì mặc đồ hoại sắc, gọi là truy y. Bạch Y Quan Âm cũng là một vị bồ tát, đại sĩ, thường mặc áo trắng ngự trên tòa sen trắng. Thân hình sư Cương Kỷ có gì khác lạ so với người thường? Hà Xuân Liêm viết: “Thiền sư Cương Kỷ có một dị tướng là hàng lông mi dài che lấp cả mắt, khi muốn nhìn ai hoặc muốn đọc kinh sách, thiền sư phải lấy tay xách hàng lông mi lên nhìn, xong thì thả xuống. Khi thả lông mi xuống, ngài không thấy gì cả” (*Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, tr. 320). Không biết sư còn gì khác tục nữa...

⁽³⁾ Oan thân: Trong *Phật học từ điển*, Đoàn Trung Còn không đưa chữ Hán và giải thích oan thân là cái thể xác do ngũ uẩn, lục trần, tứ đại hợp thành, phải chịu đựng tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử); cái thân này thì ai cũng như ai, từ vua đến dân, từ sang tới hèn, cho nên phải tu hành để giải thoát nó, trở thành pháp thân như đức Phật; pháp thân (dharmakaya) là thân đạo lý, có bốn đức (thường, lạc, ngã, tịnh), không vướng vào bốn khổ. Đức Phật còn có báo thân (hay sinh thân) là cái thân mang xuống thế, và hóa thân là thân hiện ra để độ chúng sinh. Trong trường hợp này, chữ “thân” phải viết 身 (hình hài vật chất, mình mẩy của người và sự vật). *Từ điển Phật học Hán Việt* không có từ “oan thân”, mà có từ “oán thân”, cụm từ “oán thân bình đẳng” và giải thích “oán” là kẻ thù, “thân” là người gần gũi, bà con, bạn bè; tín đồ Phật giáo tuân theo lòng đại từ bi tuyệt đối coi kẻ oán thù và người thân hữu như nhau, không phân biệt hậu bạc, nặng nhẹ (*TĐPHHV*, tr. 943).

⁽⁴⁾ Liên Trì: ao sen, chỉ xứ Phật, vì hoa sen thơm, lẫn trong bùn mà không lây nhiễm mùi hôi của bùn

Mười hai nguyện: Khi nào tịch diệt, biết trước ngày đi.

Mười ba nguyện: Ngồi ngay thị tịch, xách dép Tây quy.

Mười bốn nguyện: Không sinh không mất, thấu rõ vô vi.

Mười lăm nguyện: Sớm thành đạo pháp, cứu vớt lầm mê.

Trông không tự dứt, nguyện ta không cùng.

Tình với không tình, vẹn tròn chủng trí.⁽¹⁾

Giải bày sơ lược vài lời để lại cho đời sau vậy.

Kính soạn.

9. TỰ HUỐNG. CƯƠNG KỶ HÒA THUỢNG TRÚ

(Tự bày tỏ hoàn cảnh mình. Hòa thượng Cương Kỷ viết)

Tuy năm trăm tuổi vẫn giống như một sát na,⁽²⁾ như sông dài chảy về đông, như nắng tàn xế về tây; đóm lửa do đánh đá, vó ngựa qua khe cửa, ngọn đèn hiu hắt trong gió, giọt sương sớm trên đầu ngọn cỏ, cây mục bên vách núi, ánh chớp lòe qua mắt. Nếu không gặp được chánh pháp thì ắt rơi mãi xuống đường tối tăm.

Viết ngày tốt tháng quý đông năm Ất Dậu [1885].

10. BẢO TRÍ TUỆ ĐĂNG VI TỪ HIẾU TỰ TRÚ TRÌ VÂN

(Bài văn tiến cử Tuệ Đăng vào vị trí trú trì chùa Từ Hiếu)

Kính nghĩ:

Cửa thiền rộng lớn, vầng nhật treo cao. Thân già khó giữ, chất trẻ chẳng bền. Sương xuân mọc sớm, thoáng chốc thành không; mây giếng cây bờ, há nên còn mãi. Sao cứ ngồi yên cho qua được. Bèn kể tục dầu thơm, ôi! sợ về sau hối hận chẳng kịp, cảm thán nơi đây chỉ còn tường hào. Lão tăng trộm nghĩ nay đã tuổi cao lập lớn,⁽³⁾ hơi sức dần dần yếu đi, không biết ngày nào đến kỳ về Tây, bèn nghĩ làm

Phật thường ngự trên tòa sen là hình ảnh tiêu biểu. Liên Trì cũng là một hội do nhà sư Tuệ Viễn thời Tống sáng lập, tập hợp một số nhà sư và nhà thơ để đàm đạo về Phật pháp và xướng họa với nhau.

⁽¹⁾ Chủng trí: tức “nhất thiết chủng trí”, từ dùng để tôn xưng đức Phật, vì ngài có cái trí hiểu biết tất cả các pháp.

⁽²⁾ Sát na: đơn vị thời gian ngắn nhất, trong nháy mắt. Pháp số chỉ các đơn vị thời gian trong Phật giáo. Sát na (ksana) là đơn vị cơ bản: “Khi tráng sĩ đưa ngang cánh tay ra và xếp trở vào thì trải qua 60 sát na”, như vậy, một sát na tương đương 1/60 giây đồng hồ hiện nay; đó là khoảnh khắc của một suy nghĩ. Các đơn vị khác tính xuống theo thứ tự là lạc sát, câu kỳ, tăng kỳ, cao xuất, và cuối cùng bất khả chuyển là đứng yên. Chỉ sự tế vi của đạo pháp nhà Phật.

⁽³⁾ Tuổi cao lập lớn: tuổi là nói tuổi đời người từ khi sinh ra, lập là nói tuổi tính từ ngày xuất gia tu hành (gọi là pháp lập).

tờ để lại, sơ lược vài lời, tỏ bày tình thật, cáo trình niềm yết cho các bốn đạo biết rõ; trên thì các quý chức thái giám, dưới thì các đệ tử và thiện nam tín nữ; lý đúng thì tình theo, cảm ứng thì nghe thuận. Vả lão tăng nhân có đệ tử là Nguyễn Tuệ Đăng, thơ ấu lánh đời, đồng chân nhập đạo, giữ bền đạo hạnh, tuổi quá sáu mươi, có thể bảo cử làm trú trì chùa ta, gánh vác việc mở mang lương đồng để chia bớt chút nhọc nhằn cho lão họ Lê này, mong cho trước nữa chùa được trang nghiêm, sau nữa tông phong khởi sắc, nguyện cầu đất nước an khang, toàn nhờ vào một ngôi Từ Hiếu, làm lợi cho kẻ mất lẫn người còn. Xưa nói: Động làm gì cũng trông ở kẻ khác, dòng chảy từ trên chớ theo thói thường bỉ lậu. Đời nay phải cần quyết đoán, tính liệu không nhờ người khác. Lúc ngôi yên lặng thì luôn suy xét lỗi lầm của mình; lúc thông thả nói chuyện thì đừng bới móc cái sai của người khác. Nay cần kẻ căn dặn, chớ nên từ chối. Trân trọng.⁽¹⁾

11. PHỤ DIỆU GIÁC HÒA THƯỢNG TRƯỞNG VĂN **(Văn trưởng phúng điệu hòa thượng Diệu Giác)**

[Bài 1]

Kính nghĩ: Xưa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị đạo sư vĩ đại của thiên môn chúng ta, tuổi chỉ đến bảy mươi chín, thị tịch ở rừng Song Thụ,⁽²⁾ giảm tuổi thọ để làm ơn cho tăng chúng ta. Ôn ấy thật lớn vậy. Nay, vị trú trì chùa Báo Quốc sắc tứ, sung tăng cang chùa Diệu Đế, bữa trước mở giới đàn tôn xưng Hòa thượng, tuổi tám mươi chín, mà nay ngày 13 tháng Giêng năm Ất Mùi (7/2/1895), chôn Hóa thành⁽³⁾ không trú lại, xách chiếc dép về cõi Tây; nhà thiền quạnh quẽ mà lợi ích để lại vẫn còn chưa hết vậy. Cho nên ngày nay, sư sãi các chùa và thập phương đàn na đau buồn lưu luyến, thương cảm không nguôi, cùng xin chịu tang phục để tỏ tác thành. Bọn chúng tôi là sư huynh đệ của hòa thượng trộm nghĩ: Cột đá của cửa thiền đã đổ, thảm thiết rơi lệ mà có vài lời tiễn đưa, sau nữa giải bày tâm tình trong lòng. Hỡi ôi! Hành trạng, công đức và giới luật của hòa thượng viết mấy cũng không hết, chỉ xin kính ghi chép đại lược mà thôi.

Từ Hiếu tự Yết ma Cương Kỳ, Tường Vân Giáo thụ Linh Cơ cùng các môn đồ kính lạy.

⁽¹⁾ Bài văn không ghi lạc khoản, nhưng chắc chắn là của hòa thượng Cương Kỳ, bảo cử cho đệ tử Tuệ Đăng (hay đọc Huệ Đăng), nhưng sau đó, Tuệ Đăng mất trước thầy bảy năm. Như vậy, bài văn này được viết vào khoảng trước sau năm 1890.

⁽²⁾ Song Thụ: tên đầy đủ là Sa La Song Thụ, khu rừng nơi đức Phật nhập diệt.

⁽³⁾ Hóa thành: thành quách nhất thời được biến hóa nên, là nơi tạm dừng nghỉ trước khi đến chốn bái (bảo sở).

[Bài 2]

Cúi nghĩ: Từ bi đạo lớn; pháp giới lượng nhiều, nhưng người tốt lành nhất trong hàng giới tử thì chỉ có hòa thượng ở kinh đô Phú Xuân là hơn hết. Tuổi thơ vui đạo, tín quả vẹn tròn, đạt được mắt pháp thần thông, biết được người hay trong quần chúng; chẳng thẹn thiên lâm, đứng trang Phật tử. Nhớ xưa: bần nạp⁽¹⁾ về nam, nơi nhà tây đặt pháp tọa; Xuân kinh từ già, hỏi về đạo khi tiền đưa. Nghĩ rằng Tôn sư: Giác ngộ có nguyên nhân, từng lâm may gặp gỡ. Vừa mừng mây tan non Thửu,⁽²⁾ bỗng buồn dếp một về Tây. Bồi hồi núi Tuyết⁽³⁾ lại về, đau đón cây xuân mây trắng. Ôi! Cái ơn tri kỷ lấy chi báo đền? Đọc xong Địa tạng, tụng kinh Pháp hoa để tỏ tác thành trong muôn một vậy.

Yết ma xà lê Pháp Tạng chùa Phước Sơn tỉnh Phú Yên.

Kính viếng.

⁽¹⁾ Bần nạp: tiếng tự xưng của các nhà tu hành Phật giáo (nghĩa đen, bần là nghèo, vì nhà sư không có tài sản riêng; nạp là cái áo “vá trăm mảnh” của họ, tức áo cà sa). Cũng xưng: bần đạo, bần tăng, lão nạp...

⁽²⁾ Non Thửu: Thửu Sơn hay Thửu Lĩnh, Linh Thửu, Linh Sơn, dịch âm Kỳ-xà-quật sơn, tiếng Pa-li Gijjhakùta, tiếng phạn Grdhrakùta, tên núi, nơi đức Phật ở, xa trông hình như con ó đang cánh khi sắp đậu xuống đất, trong núi cũng có nhiều chim ó. Núi này có ngôi chùa cổ gọi Linh Sơn tự, đức Phật có thời gian thuyết pháp ở đây đầu tiên sau khi thành đạo.

⁽³⁾ Núi Tuyết: vùng núi Himalaya ở bắc Ấn Độ, ta dịch là Hy Mã Lạp Sơn, quanh năm tuyết phủ, cũng gọi là Tuyết Lĩnh.